

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/DSST**
Ngày: 24/6/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Phan Văn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim C– sinh năm 1990;

Trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T– sinh năm 1965; Trú tại: Khu phố P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Bà T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;

Trú tại: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2019, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do bà Hoàng Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 30/7/2018, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L có vay của chị Trần Thị Kim C số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) để mua thức ăn cho tôm, hẹn 15 ngày sau (tức ngày 13/8/2019) sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất; Việc vay tiền có lập giấy vay tiền. Mặc dù chỉ một mình bà L là người ký tên trong giấy vay tiền nhưng chị C xác định là nợ chung của vợ chồng ông V, bà L. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông V, bà L không trả nợ theo đúng cam kết. Chị C nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông V, bà L trả nợ nhưng ông V, bà L không thực hiện, cố tình trốn tránh, không trả tiền theo thỏa thuận mà bỏ đi khỏi địa phương

không thông báo cho chị C biết. Do đó, chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông V, bà L phải trả cho chị C số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), chị C không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho chị C số tiền đã mượn là 130.000.000đ; không yêu cầu ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm trả nợ; Về lãi suất: không yêu cầu.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L nhưng vợ chồng ông V, bà L không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ và được niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vợ chồng ông V, bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã X thì vợ chồng ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng ông V, bà L đã bỏ địa phương đi từ khoảng cuối tháng 01 năm 2019 cho đến nay không về lại địa phương, không báo cho địa phương biết nên địa phương không biết vợ chồng ông V, bà L đi đâu, ở đâu. Vợ chồng ông V, bà L cũng không thông báo cho nguyên đơn chị C biết địa chỉ nơi cư trú mới của vợ chồng ông V, bà L ở đâu. Việc bỏ đi của vợ chồng ông V, bà L thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay theo giấy vay tiền. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đối chiếu với giấy cho vay tiền ngày 30/7/2018 do chị C và bà L cùng ký tên, có cơ sở xác định: Ngày 30/7/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị L có vay của nguyên đơn chị Trần Thị Kim C số tiền 130.000.000 đồng, hạn 15 ngày sau (tức ngày 13/8/2019) sẽ trả, không ghi nhận lãi suất, là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi suất.

Căn cứ giấy vay tiền thì ở mục bên vay tiền chỉ có tên bà L là người vay tiền và chỉ một mình bà L xác nhận nợ và ký tên, bị đơn ông Nguyễn Văn V không ký vào giấy vay tiền; giấy vay tiền cũng không thể hiện mục đích vay tiền để chứng minh việc vay tiền của bà L là sử dụng chung của vợ chồng ông V, bà L; không có chứng cứ nào chứng minh khoản nợ vay 130.000.000đ theo giấy vay tiền do bà L ký tên là nợ chung của vợ chồng ông V, bà L nên HĐXX xác định đây là nợ riêng của bị đơn Nguyễn Thị L đối với nguyên đơn. Vì vậy, việc thay đổi yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ.

Khi đến hạn trả nợ (ngày 13/8/2019), bà Nguyễn Thị L không trả nợ theo đúng cam kết mà bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo cho chị C biết về nơi cư trú, làm việc mới là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ của bên vay

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc bị đơn Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định là: $130.000.000đ \times 5\% = 6.500.000đ$; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Kim C và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị T đối với bị đơn Nguyễn Thị L:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị Trần Thị Kim C số tiền gốc đã mượn là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Trần Thị Kim C số tiền 3.250.000đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000456 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS thị xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền

